

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/3/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh là Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 525/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú tại Thôn 5, xã MaĐaGuôi, huyện ĐạHuoi, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú tại ấp 3, xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 11 năm 2020, ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Trần Văn T trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án và đến trước ngày mở phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân:

Vợ chồng nguyên đơn, bị đơn Lê Thị H kết hôn năm 2014, đã được Ủy ban nhân dân xã MaĐaGuôi, huyện Đạ Huoi, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16 tháng 5 năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc trong thời gian trước năm 2015. Kể từ đầu năm 2016 thì vợ chồng không có hạnh phúc do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong mối quan hệ vợ với chồng, không còn sự đoàn kết trong hôn nhân gia đình nên không còn tình cảm vợ chồng phải sống ly thân và không thể tiếp tục xây dựng hôn nhân.

Đến nay vợ chồng nguyên đơn và bị đơn chưa có con, không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp nên không khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề này. Nguyên đơn khởi kiện chỉ có yêu cầu là được ly hôn.

** Ý kiến của bị đơn bà Lê Thị H đối với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng khác đối với bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng để cung cấp tài liệu giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 54 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia các phiên họp để thỏa thuận giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình của các đương sự. Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tòa án xác minh về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự tại chính quyền địa phương, đã thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ gửi đến các đương sự. Nguyên đơn không có ý kiến về các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tổng đạt hợp lệ đối với bị đơn.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến đề nghị như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định tại Điều 51, Điều 63, Điều 239, Điều 243, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn tuân thủ đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, không đến phiên tòa.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Cuộc sống vợ chồng các đương sự không còn hạnh phúc, không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ: Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Cho ông Trần Văn T được ly hôn với bà Lê Thị H; về con: Không có nên không giải quyết; về tài sản, nợ chung: Giành quyền khởi kiện của các bên đương sự khi có phát sinh tranh chấp; về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú An, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn; đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự

theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với hôn nhân của vợ chồng các đương sự được xác lập năm 2014, đến nay Tòa án đang giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 131 và Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nội dung vụ án:

Hôn nhân giữa các đương sự có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đây là hôn nhân hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Qua ý kiến trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ khác của vụ án là tài liệu để chứng cứ chứng minh: Vợ chồng các đương sự có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân gia đình, các đương sự không còn sống chung đã nhiều năm. Như vậy: Nguyên đơn, bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ thương yêu, giúp đỡ giữa vợ và chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, đời sống chung của vợ chồng không được liên tục, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Vợ chồng nguyên đơn và bị đơn chưa có con, không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp không có khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn thì phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ly hôn là phù hợp với chứng cứ vụ án và các quy định pháp luật đã nhận định như trên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ: Điều 19, Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 131 và Điều 132 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn T.

- Về hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn đối với và bà Lê Thị H

- Về quan hệ tài sản, về con: Các đương sự không có khởi kiện Tòa án không thụ lý giải quyết các vấn đề này.

- Nguyên đơn ông Trần Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn (được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003863 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

Bản án này được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú-ĐN;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND cấp xã nêu trên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Kim Đính